

PHỤ LỤC 1A

HƯỚNG DẪN CHỈ SỐ, CĂN CỨ VÀ MỨC ĐÁNH GIÁ TƯƠNG ỨNG VỚI CÁC TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHỨC SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP TRONG LĨNH VỰC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

1. Nhóm tiêu chí 1 - Đánh giá định hướng phát triển và kế hoạch hoạt động

1.1. Tiêu chí 1. Sự rõ ràng, đầy đủ và mức độ phù hợp của định hướng phát triển và kế hoạch hoạt động so với vị trí, chức năng và nhiệm vụ của tổ chức

Các chỉ số, căn cứ để đánh giá

Bảng phân tích, so sánh giữa các nội dung sau của định hướng phát triển và kế hoạch hoạt động với vai trò, chức năng và nhiệm vụ của tổ chức:

- Mục tiêu hoạt động: mục tiêu, các hướng nghiên cứu và phát triển chính và đối tượng phục vụ của tổ chức;
- Kế hoạch thực hiện: những hoạt động cần thực hiện và phương án thực hiện; yêu cầu về nhân lực và kế hoạch phát triển, thu hút cán bộ có trình độ cao và năng lực tốt làm việc cho tổ chức; kế hoạch phân bổ kinh phí; kế hoạch duy trì, nâng cấp trang thiết bị và cơ sở hạ tầng...
- Các chỉ tiêu kết quả (số lượng và chất lượng) phải đạt được.

Các mức đánh giá

Mức 1 - Kém: Cả mục tiêu hoạt động, kế hoạch thực hiện và các chỉ tiêu kết quả không rõ ràng, không đầy đủ.

Mức 2 - Trung bình: Mục tiêu hoạt động rõ ràng, phù hợp với chức năng và nhiệm vụ; kế hoạch thực hiện và các chỉ tiêu kết quả chưa chi tiết, đầy đủ.

Mức 3 - Khá: Mục tiêu hoạt động rõ ràng, phù hợp với chức năng và nhiệm vụ; một số nội dung kế hoạch chi tiết, rõ ràng; một số chỉ tiêu kết quả rõ ràng;

Mức 4 - Tốt: Mục tiêu hoạt động rõ ràng, đầy đủ và phù hợp với chức năng, nhiệm vụ; kế hoạch thực hiện và các chỉ tiêu kết quả chi tiết, rõ ràng, phù hợp,

Mức 5 - Xuất sắc: Cả mục tiêu hoạt động, kế hoạch thực hiện và các chỉ tiêu kết quả đều chi tiết, rõ ràng, đầy đủ, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và thể hiện sự logic, thuyết phục.

1.2. Tiêu chí 2. Tính khả thi và mức độ phù hợp của định hướng phát triển và kế hoạch hoạt động của tổ chức với xu thế quốc tế và chiến lược của quốc gia, địa phương trong lĩnh vực hoạt động của tổ chức.

Các chỉ số, căn cứ để đánh giá

- Bảng phân tích, so sánh giữa các nội dung trong định hướng phát triển và kế hoạch hoạt động của tổ chức với xu thế quốc tế và chiến lược của quốc gia, địa phương trong lĩnh vực hoạt động của tổ chức;

- Bảng so sánh các nguồn lực hiện tại (dữ liệu cơ bản về số lượng và chất lượng của nhân lực, tài chính, cơ sở vật chất) với mục tiêu đặt ra, khối lượng công việc và thời gian thực hiện.

Các mức đánh giá

Mức 1 - Kém: Định hướng phát triển không phù hợp với chiến lược của quốc gia, địa phương trong lĩnh vực hoạt động của tổ chức; các nguồn lực hiện tại không đủ để thực hiện kế hoạch hoạt động.

Mức 2 - Trung bình: Một số nội dung trong định hướng phát triển phù hợp với chiến lược của quốc gia, địa phương trong lĩnh vực hoạt động của tổ chức; các nguồn lực hiện tại chỉ có thể đáp ứng một số nội dung của kế hoạch hoạt động và một phần nguồn lực khác phải phụ thuộc nhiều vào tổ chức khác.

Mức 3 - Khá: Một số nội dung trong định hướng phát triển phù hợp với chiến lược của quốc gia, địa phương trong lĩnh vực hoạt động của tổ chức; nguồn nhân lực và cơ sở vật chất cơ bản hiện tại đáp ứng các nội dung của kế hoạch hoạt động, nhưng các nguồn lực khác còn phải phụ thuộc vào các tổ chức khác.

Mức 4 - Tốt: Định hướng phát triển hoàn toàn phù hợp với chiến lược của quốc gia, địa phương trong lĩnh vực hoạt động của tổ chức; các nguồn lực hiện tại hoàn toàn đáp ứng những nội dung chính của kế hoạch hoạt động; kế hoạch hoạt động chưa thể hiện sự tập trung vào phát huy thế mạnh, lợi thế của tổ chức.

Mức 5 - Xuất sắc: Định hướng phát triển hoàn toàn phù hợp với chiến lược của quốc gia, địa phương trong lĩnh vực hoạt động của tổ chức; các nguồn lực hoàn toàn đủ để thực hiện kế hoạch hoạt động; Kế hoạch thực hiện này được xem là tối ưu trong các điều kiện mà tổ chức hiện có để đạt được mục tiêu và thể hiện rõ nét sự phát huy được thế mạnh của bản thân tổ chức.

2. Nhóm tiêu chí 2 - Đánh giá nguồn nhân lực

2.1. Tiêu chí 3. Đội ngũ cán bộ có cơ cấu phù hợp và ổn định để bảo đảm hoạt động của tổ chức theo chức năng, nhiệm vụ

Các chỉ số, căn cứ để đánh giá

Trình độ, độ tuổi và số lượng theo từng năm (bảng phân tích số lượng cán bộ nghiên cứu theo học hàm và học vị và độ tuổi):

- Đội ngũ cán bộ có đủ trình độ chuyên môn và năng lực phù hợp để thực hiện nhiệm vụ của tổ chức; có đủ số lượng cán bộ có trình độ cao (Tiến sỹ, Thạc sỹ) cần thiết;
- Sự cân bằng giữa cán bộ có kinh nghiệm và cán bộ trẻ;
- Sự ổn định, tăng trưởng về số lượng cán bộ ở các trình độ, độ tuổi.

Các mức đánh giá

Mức 1 - Kém: Nguồn nhân lực chỉ đáp ứng về số lượng, không thu hút được nhân lực trình độ cao.

Mức 2 - Trung bình: Cơ cấu cán bộ về trình độ và độ tuổi còn nhiều hạn chế có ảnh hưởng lớn.

Mức 3 - Khá: Số lượng cán bộ hằng năm ổn định; Cơ cấu cán bộ về trình độ và độ tuổi còn một số điểm hạn chế nhỏ cần cải thiện nhưng không nghiêm trọng.

Mức 4 - Tốt: Số lượng cán bộ trình độ cao tăng hằng năm và tổng số ổn định hoặc tăng theo cơ cấu phù hợp, đáp ứng nhu cầu hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ, đồng thời tương đương tổ chức (cùng lĩnh vực hoạt động) hàng đầu ở Việt Nam.

Mức 5 - Xuất sắc: Cơ cấu cán bộ về trình độ, độ tuổi và sự ổn định hoàn toàn phù hợp và tương đương tổ chức (cùng lĩnh vực hoạt động) hàng đầu thế giới.

2.2. Tiêu chí 4. Đội ngũ cán bộ có đủ năng lực cần thiết để đáp ứng định hướng phát triển và kế hoạch hoạt động của tổ chức

Các chỉ số, căn cứ để đánh giá

- Tỷ lệ cán bộ được đào tạo và làm nghiên cứu ngắn, trung và dài hạn ở nước ngoài - tiềm năng hội nhập
- Tỷ lệ cán bộ được giao chủ trì thực hiện các nhiệm vụ KH&CN các cấp trong nước và nhận được tài trợ ở nước ngoài - sự sáng tạo và năng động
- Có khả năng làm chủ thiết bị nghiên cứu (vận hành, khai thác các tính năng kỹ thuật,...) - *sự chủ động*

Các mức đánh giá

Mức 1 - Kém: Tiềm năng hội nhập, tính sáng tạo, năng động và chủ động đều thấp.

Mức 2 - Trung bình: Có tiềm năng hội nhập, nhưng tính sáng tạo, sự năng động và chủ động chưa cao.

Mức 3 - Khá: Có tiềm năng hội nhập, tính sáng tạo, năng động và chủ động cao, nhưng chưa đủ để tương đương với tổ chức KH&CN (cùng lĩnh vực hoạt động) hàng đầu ở Việt Nam.

Mức 4 - Tốt: Có tiềm năng hội nhập, tính sáng tạo, năng động và chủ động cao và tương đương với tổ chức cùng lĩnh vực hoạt động hàng đầu ở Việt Nam.

Mức 5 - Xuất sắc: Đạt chỉ tiêu như ở Mức 4 và tương đương với tổ chức (cùng lĩnh vực hoạt động) hàng đầu thế giới.

3. Nhóm tiêu chí 3 - Đánh giá trang thiết bị và cơ sở vật chất

3.1. Tiêu chí 5. Mức độ đáp ứng (về số lượng và chất lượng) của trang thiết bị khoa học và kỹ thuật để bảo đảm hoạt động chuyên môn của tổ chức theo chức năng, nhiệm vụ

Các chỉ số, căn cứ để đánh giá

- Tổ chức cần những trang thiết bị nào để phục vụ hoạt động chuyên môn, tổ chức đã có những trang thiết bị gì? Mức độ đáp ứng thực hiện được các hoạt động khoa học và công nghệ tiên tiến;

- Tình trạng thiết bị, hiện trạng hoạt động và tần suất sử dụng của các trang thiết bị; việc hiệu chuẩn, bảo trì, bảo dưỡng thường xuyên...

Các mức đánh giá

Mức 1 - Kém: Thiếu nhiều thiết bị thiết yếu.

Mức 2 - Trung bình: Có đủ thiết bị thiết yếu, nhưng nhiều thiết bị đã lỗi thời.

Mức 3 - Khá: Có đủ thiết bị thiết yếu, một số thiết bị khá hiện đại.

Mức 4 - Tốt: Có nhiều thiết bị và chất lượng của thiết bị tốt, tương đương với tổ chức cùng lĩnh vực hoạt động hàng đầu ở Việt Nam.

Mức 5 - Xuất sắc: Đạt chỉ tiêu như ở Mức 4 và tương đương với tổ chức (cùng lĩnh vực hoạt động) hàng đầu thế giới.

3.2. Tiêu chí 6. Mức độ hợp lý trong việc sử dụng và phối hợp, chia sẻ việc sử dụng các trang thiết bị cho hoạt động chuyên môn

Các chỉ số, căn cứ để đánh giá

- Danh sách thiết bị mà tổ chức cần nhưng phải khai thác từ tổ chức khác ở trong nước, nước ngoài; danh sách các tổ chức thường chia sẻ việc khai thác các thiết bị đó và tần suất sử dụng;

- Danh sách các thiết bị của tổ chức được các nhà nghiên cứu từ các tổ chức khác trong và ngoài nước khai thác; danh sách các tổ chức thường khai thác các thiết bị đó và tần suất sử dụng.

Các mức đánh giá

Mức 1 - Kém: Khai thác tối đa các trang thiết bị mình có và hầu như không có việc phối hợp khai thác thiết bị cả hai chiều với các tổ chức khác, mặc dù có nhu cầu.

Mức 2 - Trung bình: Chỉ khai thác trang thiết bị mình có và phối hợp hai chiều với tổ chức khác ở trong nước, mặc dù có nhu cầu nhưng không phối hợp được với các tổ chức ở nước ngoài.

Mức 3 - Khá: Khai thác tối đa các trang thiết bị mình có và phối hợp khai thác cả 2 chiều khá hiệu quả từ các tổ chức khác và chia sẻ với các tổ chức ở cả trong nước và nước ngoài.

Mức 4 - Tốt: Khai thác tối đa các trang thiết bị mình có và phối hợp khai thác hiệu quả cả hai chiều từ các tổ chức khác và chia sẻ với các tổ chức ở cả trong nước và nước ngoài và tương đương với tổ chức (cùng lĩnh vực hoạt động) hàng đầu ở Việt Nam.

Mức 5 - Xuất sắc: Đạt chỉ tiêu như ở Mức 4 và tương đương với tổ chức cùng lĩnh vực hoạt động hàng đầu thế giới.

3.3. Tiêu chí 7. Mức độ đáp ứng về cơ sở vật chất cơ bản: không gian phòng thí nghiệm, phòng làm việc, thiết bị văn phòng, việc ứng dụng công nghệ thông tin, an ninh, an toàn, vệ sinh và các điều kiện khác

Các chỉ số, căn cứ để đánh giá

So sánh các điều kiện sau đây trong mối tương quan với cơ cấu nguồn nhân lực và các nguồn lực khác:

- Diện tích phòng thí nghiệm, văn phòng cần thiết là bao nhiêu, đã có bao nhiêu; hiện trạng và tình trạng hoạt động cũng như mức độ hiện đại của thiết bị văn phòng;
- Danh mục những hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ và quản lý của tổ chức đã được ứng dụng công nghệ thông tin tiên tiến;
- Internet, an ninh, an toàn, vệ sinh và các điều kiện khác;
- Tỷ lệ trang bị của ngân sách nhà nước so với sự tự trang bị của tổ chức.

Các mức đánh giá

Mức 1 - Kém: Các điều kiện chưa đáp ứng và hoàn toàn do ngân sách nhà nước trang bị.

Mức 2 - Trung bình: Các điều kiện đáp ứng và hoàn toàn do ngân sách nhà nước trang bị, nhưng còn một số hạn chế cần cải thiện.

Mức 3 - Khá: Các điều kiện đủ đáp ứng và tổ chức tự trang bị được một số hạng mục.

Mức 4 - Tốt: Các điều kiện tốt và tổ chức tự trang bị được một số hạng mục đáng kể, tương đương với tổ chức (cùng lĩnh vực hoạt động) hàng đầu ở Việt Nam.

Mức 5 - Xuất sắc: Các điều kiện tốt, tương đương với tổ chức (cùng lĩnh vực hoạt động) hàng đầu thế giới.

4. Nhóm tiêu chí 4 - Đánh giá nguồn kinh phí

4.1. Tiêu chí 8. Mức độ đa dạng và tăng trưởng các nguồn kinh phí hoạt động của tổ chức (từ ngân sách nhà nước, doanh nghiệp và nguồn khác trong nước và quốc tế)

Các chỉ số, căn cứ để đánh giá

Cơ cấu các nguồn kinh phí mà tổ chức có được và xu hướng biến động hằng năm:

- Từ ngân sách nhà nước (chi thường xuyên, nhiệm vụ KH&CN, trang thiết bị...);
- Từ khối doanh nghiệp (nhiệm vụ KH&CN, trang thiết bị, cung cấp dịch vụ, chuyển giao công nghệ,...);
- Từ nước ngoài (nhiệm vụ KH&CN, trang thiết bị, cung cấp dịch vụ, chuyển giao công nghệ,...);
- Từ nguồn khác.

Các mức đánh giá

Mức 1 - Kém: Chỉ có tài chính từ nguồn ngân sách nhà nước với số lượng rất hạn hẹp.

Mức 2 - Trung bình: Chỉ có tài chính từ nguồn ngân sách nhà nước với số lượng đáng kể.

Mức 3 - Khá: Kinh phí hoạt động của tổ chức đến từ nhiều nguồn và khá ổn định.

Mức 4 - Tốt: Phát triển được kinh phí từ nhiều nguồn, ổn định và trong đó số lượng từ ngân sách nhà nước chỉ tương đương với tổng các nguồn khác.

Mức 5 - Xuất sắc: Phát triển được kinh phí từ nhiều nguồn, ổn định và trong đó số lượng từ ngân sách nhà nước nhỏ hơn nhiều so với tổng các nguồn khác, thể hiện tính tự chủ cao.

4.2. Tiêu chí 9. Mức độ phát triển nguồn kinh phí từ việc ứng dụng các kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ và cung cấp dịch vụ KH&CN

Các chỉ số, căn cứ để đánh giá

Tổng các nguồn thu có được từ các hợp đồng chuyển giao công nghệ, tư vấn, cung cấp dịch vụ KH&CN, thương mại hóa các sản phẩm, xin được tài trợ cho việc công bố bài báo, cấp phép công nghệ và kinh phí thu hợp lý khác so sánh với các điều kiện cơ sở vật chất và nhân lực (số kinh phí/số người lao động/năm).

Các mức đánh giá

Mức 1 - Kém: Không có (mặc dù tổ chức có chức năng và nhiệm vụ triển khai hoạt động này).

Mức 2 - Trung bình: Có nguồn thu từ hoạt động này, nhưng với số lượng ít và không thường xuyên.

Mức 3 - Khá: Có nguồn thu hằng năm từ hoạt động này, nhưng số lượng không nhiều.

Mức 4 - Tốt: Có nguồn thu hằng năm với số lượng lớn và tương đương với tổ chức (cùng lĩnh vực hoạt động) hàng đầu ở Việt Nam cùng lĩnh vực hoạt động.

Mức 5 - Xuất sắc: Đạt chỉ tiêu như ở Mức 4 và tương đương với tổ chức (cùng lĩnh vực hoạt động) hàng đầu thế giới.

4.3. Tiêu chí 10. Mức độ tái đầu tư của tổ chức để phát triển nguồn nhân lực, cơ sở vật chất và trang thiết bị công nghệ từ các nguồn kinh phí ngoài ngân sách nhà nước.

Các chỉ số, căn cứ để đánh giá

Danh sách các hạng mục kinh phí mà tổ chức tự đầu tư bằng các nguồn thu ngoài ngân sách nhà nước hằng năm cho phát triển nguồn nhân lực, cơ sở vật chất và trang thiết bị công nghệ.

Các mức đánh giá

Mức 1 - Kém: Không có.

Mức 2 - Trung bình: Có, nhưng với số lượng ít và không thường xuyên.

Mức 3 - Khá: Có đầu tư hằng năm, nhưng số lượng không nhiều.

Mức 4 - Tốt: Có một số hạng mục được đầu tư hằng năm với số lượng lớn.

Mức 5 - Xuất sắc: Có nhiều hạng mục được đầu tư và tăng lên hằng năm.

5. Nhóm tiêu chí 5 - Đánh giá việc tổ chức hoạt động

5.1. Tiêu chí 11. Mức độ hợp lý trong việc phối hợp công việc giữa các bộ phận thuộc cơ cấu tổ chức của đơn vị.

Các chỉ số, căn cứ để đánh giá

- Thể hiện bởi nội dung của các Quy chế làm việc nội bộ: phân công trách nhiệm cho từng bộ phận công tác; quy tắc ứng xử, trao đổi công việc giữa các bộ phận và giữa các vị trí công tác;...
- Phỏng vấn và thảo luận về những thuận lợi, khó khăn của các bộ phận khi phối hợp tác nghiệp

Các mức đánh giá

Mức 1 - Kém: Việc phân công trách nhiệm cho từng bộ phận công tác không rõ ràng, sự phối hợp tác nghiệp giữa các bộ phận công tác còn nhiều hạn chế nghiêm trọng.

Mức 2 - Trung bình: Việc phân công trách nhiệm cho từng bộ phận công tác rõ ràng và cụ thể, tuy nhiên còn nhiều điểm chưa hợp lý dẫn đến hiệu quả phối hợp tác nghiệp giữa các bộ phận công tác còn nhiều hạn chế.

Mức 3 - Khá: Việc phân công trách nhiệm cho từng bộ phận công tác đã rõ ràng và cụ thể, tuy nhiên vẫn còn một số điểm hạn chế cần cải thiện để hiệu quả phối hợp tác nghiệp giữa các bộ phận công tác cao hơn.

Mức 4 - Tốt: Việc phân công trách nhiệm cho từng bộ phận công tác đã rõ ràng và cụ thể, sự phối hợp tác nghiệp giữa các bộ phận công tác khá tốt, còn một vài điểm nhỏ nên cải tiến để hoàn thiện.

Mức 5 - Xuất sắc: Việc phân công trách nhiệm cho từng bộ phận công tác rõ ràng và cụ thể, sự phối hợp tác nghiệp giữa các bộ phận công tác rất tốt.

5.2. Tiêu chí 12. Mức độ phổ biến thông tin cho cán bộ (về chiến lược, chính sách và kế hoạch hoạt động của đơn vị; hỗ trợ tiếp cận các nguồn tài liệu, thông tin liên quan đến lĩnh vực khoa học và công nghệ tổ chức đang hoạt động...)

Các chỉ số, căn cứ để đánh giá

- Kế hoạch hoạt động KH&CN của tổ chức có được công bố bằng văn bản không?
- Tìm hiểu về mức độ mà cán bộ của tổ chức biết và đồng thuận với kế hoạch hoạt động KH&CN (qua phỏng vấn)
- Thực trạng hoạt động của thư viện hay bộ phận lưu trữ tài liệu, thông tin (gọi chung là hệ thống thông tin);
- Thực trạng phát triển việc trang bị sách, báo, thông tin về các kết quả KH&CN và thông tin cần thiết khác (gọi chung là nguồn tin);
- Việc hỗ trợ truy cập (trực tuyến) vào các thư viện khoa học, các tạp chí khoa học quốc tế;
- Các hình thức hỗ trợ khác mà tổ chức KH&CN áp dụng nhằm hỗ trợ cán bộ tiếp cận các nguồn thông tin từ bên ngoài (trong và ngoài nước).

Các mức đánh giá

Mức 1 - Kém: Hầu hết những nội dung thông tin như trên không hoạt động.

Mức 2 - Trung bình: Có một số nội dung thông tin nhắc đến ở trên có hoạt động thường xuyên, nhưng những nguồn tin cần thiết còn thiếu nhiều và việc bổ sung nguồn tin không thường xuyên và rất hạn hẹp.

Mức 3 - Khá: Các nội dung thông tin trên có hoạt động đầy đủ, nguồn tin được bổ sung liên tục, nhưng còn nhiều hạn chế.

Mức 4 - Tốt: Các nội dung thông tin trên hoạt động đầy đủ, thường xuyên, nguồn tin được bổ sung liên tục, tương đương với tổ chức cùng lĩnh vực hoạt động hàng đầu Việt Nam.

Mức 5 - Xuất sắc: Đạt các chỉ tiêu như ở Mức 4 và tương đương với tổ chức cùng lĩnh vực hoạt động hàng đầu thế giới.

5.3. Tiêu chí 13. Mức độ nỗ lực trong việc giới thiệu, quảng bá sản phẩm, dịch vụ, kết quả hoạt động của tổ chức tới các đối tác tiềm năng

Các chỉ số, căn cứ để đánh giá

Thực trạng nội dung thông tin về kết quả hoạt động của tổ chức trên các website, trên các phương tiện truyền thông và các hình thức quảng bá khác.

Các mức đánh giá

Mức 1 - Kém: Tổ chức không quảng bá kết quả hoạt động.

Mức 2 - Trung bình: Tổ chức có quảng bá một số kết quả hoạt động trên website, nhưng còn chưa cập nhật thường xuyên.

Mức 3 - Khá: Tổ chức có quảng bá nhiều kết quả hoạt động và cập nhật thường xuyên trên website và các phương tiện truyền thông khác.

Mức 4 - Tốt: Đạt chỉ tiêu như ở Mức 3 và tương đương với tổ chức cùng lĩnh vực hoạt động hàng đầu Việt Nam.

Mức 5 - Xuất sắc: Đạt chỉ tiêu như ở Mức 4 và tương đương với tổ chức cùng lĩnh vực hoạt động hàng đầu thế giới

5.4. Tiêu chí 14. Phát triển được quan hệ hợp tác với các tổ chức trong nước và nước ngoài

Các chỉ số, căn cứ để đánh giá

Danh sách các đối tác, nội dung các hoạt động hợp tác trong nước và quốc tế và xu hướng biến động về số lượng.

Đối với hợp tác quốc tế, xét thêm đến: Đồng tác giả với các nhà nghiên cứu nước ngoài trong các ấn phẩm công bố;

Các mức đánh giá

Mức 1 - Kém: Không có hợp tác nào.

Mức 2 - Trung bình: Chỉ có một số hợp tác trong nước, không có hợp tác nước ngoài.

Mức 3 - Khá: Có một số hợp tác trong nước và một số hợp tác nước ngoài, nhưng không thường xuyên

Mức 4 - Tốt: Có nhiều mối quan hệ hợp tác và duy trì được thường xuyên với cả đối tác trong nước và nước ngoài.

Mức 5 - Xuất sắc: Luôn phát triển và duy trì được thường xuyên hợp tác với nhiều tổ chức có uy tín ở trong nước và nước ngoài.

6. Nhóm tiêu chí 6 - Đánh giá năng lực và kết quả công bố ấn phẩm

6.1. Tiêu chí 15. Công bố các ấn phẩm khoa học trong nước

Các chỉ số, căn cứ để đánh giá

Số lượng các bài báo khoa học được công bố trên các tạp chí trong nước được tính điểm theo quy định của hội đồng chức danh giáo sư nhà nước so sánh với các nguồn lực:

- Số bài báo / số lượng cán bộ nghiên cứu;

- Số bài báo / tổng kinh phí nghiên cứu.

Số lượng các ấn phẩm trong nước khác: sách; báo cáo hội thảo, hội nghị; báo cáo khác.

Các mức đánh giá

Mức 1 - Kém: Không có bài báo nào đăng trên các tạp chí trong nước được tính điểm theo quy định của hội đồng chức danh giáo sư nhà nước.

Mức 2 - Trung bình: Có một số ít bài báo đăng trên các tạp chí trong nước và một số ít các ấn phẩm khác, nhưng không tương xứng với các nguồn lực.

Mức 3 - Khá: Có nhiều bài báo đăng trên các tạp chí trong nước và một số ấn phẩm khác và khá tương xứng với các nguồn lực.

Mức 4 - Tốt: Kết quả tương xứng với các nguồn lực.

Mức 5 - Xuất sắc: Đạt chỉ tiêu như ở Mức 4 và tương đương với tổ chức cùng lĩnh vực hoạt động hàng đầu ở Việt Nam

6.2. Tiêu chí 16. Công bố các ấn phẩm khoa học quốc tế

Các chỉ số, căn cứ để đánh giá

Số lượng bài báo khoa học công bố trên các tạp chí quốc tế so với các nguồn lực:

- Số bài báo / tổng số cán bộ nghiên cứu;

- Số bài báo / tổng kinh phí nghiên cứu.

Tỷ lệ bài báo đăng trên các tạp chí có hệ số ảnh hưởng IF ở vị trí đứng đầu (trong số các tạp chí thuộc cùng lĩnh vực nghiên cứu).

Số lượng các ấn phẩm quốc tế khác: sách; báo cáo hội thảo, hội nghị; báo cáo khác.

Các mức đánh giá

Mức 1 - Kém: Không có ấn phẩm quốc tế.

Mức 2 - Trung bình: Có một số lượng bài báo đăng trên các tạp chí quốc tế và một số ấn phẩm khác, nhưng chưa tương xứng với các nguồn lực.

Mức 3 - Khá: Có một số lượng bài báo đăng trên các tạp chí có hệ số ảnh hưởng IF cao và một số ấn phẩm quốc tế khác, kết quả tương xứng với các nguồn lực, nhưng không đủ để đứng đầu ở Việt Nam.

Mức 4 - Tốt: Đạt các chỉ tiêu ở mức 3 và tương đương với tổ chức cùng lĩnh vực hoạt động hàng đầu ở Việt Nam.

Mức 5 - Xuất sắc: Đạt các chỉ tiêu như ở Mức 4 và tương đương với tổ chức cùng lĩnh vực hoạt động hàng đầu thế giới.

7. Nhóm tiêu chí 7 - Đánh giá năng lực phát triển công nghệ và kết quả về triển khai công nghệ

7.1. Tiêu chí 17. Phát triển được các công nghệ mới có giá trị

Các chỉ số, căn cứ để đánh giá

Công nghệ mới được tổ chức tạo ra có giá trị thực tiễn, có thể áp dụng để tạo ra hoặc cải tiến sản phẩm, quy trình, dịch vụ hiện có; Đăng ký sở hữu trí tuệ (sáng chế, nhãn hiệu thương mại hoặc chứng nhận quốc gia, giải pháp hữu ích, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, giống cây trồng mới và các kết quả khác thuộc về công nghệ (gọi chung là kết quả công nghệ) so với các nguồn lực:

- Số lượng kết quả / số lượng cán bộ nghiên cứu;

- Số lượng kết quả / tổng kinh phí nghiên cứu.

Các mức đánh giá

Mức 1 - Kém: Chưa có công nghệ không tương xứng với các nguồn lực.

Mức 2 - Trung bình: Có nhiều đầu ra công nghệ, tương xứng với các nguồn lực, nhưng không có đầu ra công nghệ nào được cấp văn bằng bảo hộ hay quyền sở hữu trí tuệ.

Mức 3 - Khá: Có nhiều đầu ra công nghệ và có đầu ra công nghệ được cấp văn bằng bảo hộ hay quyền sở hữu trí tuệ.

Mức 4 - Tốt: Đạt chỉ tiêu như ở Mức 3 và tương đương với tổ chức cùng lĩnh vực hoạt động hàng đầu ở Việt Nam.

Mức 5 - Xuất sắc: Đạt chỉ tiêu như ở Mức 4 và tương đương với tổ chức cùng lĩnh vực hoạt động hàng đầu thế giới.

7.2. Tiêu chí 18. Đưa được công nghệ mới vào quản lý và sản xuất

Các chỉ số, căn cứ để đánh giá

- Số lượng các đầu ra công nghệ đã được thương mại hóa hoặc đã được ứng dụng vào thực tiễn quản lý và sản xuất (tính bằng số các hợp đồng chuyển giao công nghệ, cung cấp dịch vụ, số lượng các doanh nghiệp KH&CN được thành lập từ kết quả nghiên cứu, thương mại hóa thành công...);
- Tỷ lệ nguồn thu từ việc ứng dụng các kết quả trên so với tổng nguồn thu của tổ chức.

Các mức đánh giá

Mức 1 - Kém: Không có đầu ra công nghệ nào được thương mại hóa, chuyển giao hoặc được ứng dụng vào thực tiễn quản lý và sản xuất.

Mức 2 - Trung bình: Có đầu ra công nghệ được thương mại hóa, chuyển giao hoặc được ứng dụng vào thực tiễn, nhưng tỷ lệ nguồn thu từ việc ứng dụng các kết quả đó là quá nhỏ.

Mức 3 - Khá: Có đầu ra công nghệ được thương mại hóa, chuyển giao hoặc được ứng dụng vào thực tiễn và tỷ lệ nguồn thu từ việc ứng dụng các kết quả là đáng kể.

Mức 4 - Tốt: Đạt chỉ tiêu như ở Mức 3 và tương đương với tổ chức cùng lĩnh vực hoạt động hàng đầu ở Việt Nam.

Mức 5 - Xuất sắc: Đạt chỉ tiêu như ở Mức 4 và tương đương với tổ chức cùng lĩnh vực hoạt động hàng đầu thế giới.

8. Nhóm tiêu chí 8 - Đánh giá năng lực và kết quả hoạt động đào tạo, cung cấp dịch vụ khoa học và công nghệ

8.1. Tiêu chí 19. Năng lực và kết quả đào tạo nguồn nhân lực khoa học và công nghệ có uy tín

Các chỉ số, căn cứ để đánh giá

Số lượng tiến sỹ (viết tắt là TS) và thạc sỹ (viết tắt là ThS) mà cán bộ của tổ chức là người hướng dẫn đã tốt nghiệp so với các điều kiện và nguồn lực:

- Số lượng tiến sỹ đào tạo được/ số lượng cán bộ nghiên cứu;
- Số lượng thạc sỹ đào tạo được/ số lượng cán bộ nghiên cứu;
- So sánh với điều kiện về cơ sở vật chất và trang thiết bị.

Ghi chú: Nếu cán bộ là người hướng dẫn duy nhất cho 1 Tiến sỹ hoặc Thạc sỹ thì cán bộ hướng dẫn được tính hệ số là 1. Nếu 2 cán bộ cùng hướng dẫn 1 Tiến sỹ hoặc Thạc sỹ thì cán bộ hướng dẫn chính được nhân với hệ số 2/3 và cán bộ hướng dẫn phụ được nhân với hệ số 1/3.

Các mức đánh giá

Mức 1 - Kém: Không hướng dẫn chính bất kỳ ThS và TS nào.

Mức 2 - Trung bình: Số lượng TS và ThS đào tạo được chưa tương xứng với các nguồn lực.

Mức 3 - Khá: Số lượng tiến sỹ và thạc sỹ đào tạo được tương xứng với các nguồn lực và liên tục có người học tham gia vào hoạt động của tổ chức.

Mức 4 - Tốt: Đạt chỉ tiêu như ở Mức 3, liên tục có người học tham gia vào hoạt động của tổ chức và tương đương với tổ chức cùng lĩnh vực hoạt động hàng đầu ở Việt Nam.

Mức 5 - Xuất sắc: Đạt chỉ tiêu như ở Mức 4 và tương đương với tổ chức cùng lĩnh vực hoạt động hàng đầu thế giới.

8.2. Tiêu chí 20. Năng lực và kết quả cung cấp dịch vụ

Các chỉ số, căn cứ để đánh giá

- Danh sách và nội dung các dịch vụ mà tổ chức cung cấp;
- Danh sách các cá nhân, tổ chức (gọi chung là khách hàng) và mức độ thường xuyên yêu cầu cung cấp các dịch vụ KH&CN (trừ dịch vụ đào tạo); Các tổ chức thuộc Chính phủ và các tổ chức khác biết và đặt hàng đơn vị;
- Danh sách những khách hàng quan trọng có thể sử dụng dịch vụ của tổ chức nhưng lại không dùng và nguyên nhân;
- Sự gia tăng ứng dụng dịch vụ của tổ chức trong một số năm (được sử dụng để xây dựng chính sách, cải thiện kỹ năng, điều kiện làm việc cho các tổ chức khác...)

Các mức đánh giá

Mức 1 - Kém: Chưa cung cấp được dịch vụ KH&CN nào cho khách hàng.

Mức 2 - Trung bình: Có cung cấp được dịch vụ KH&CN cho khách hàng, nhưng chưa thường xuyên.

Mức 3 - Khá: Cung cấp thường xuyên các dịch vụ KH&CN cho khách hàng, nhưng vẫn còn nhiều khách hàng quan trọng chưa sử dụng dịch vụ của tổ chức.

Mức 4 - Tốt: Cung cấp thường xuyên các dịch vụ KH&CN cho hầu hết khách hàng quan trọng, có sự gia tăng ứng dụng dịch vụ của tổ chức (được sử dụng để xây dựng chính sách, cải thiện kỹ năng, điều kiện làm việc cho các tổ chức khác...) và tương đương với tổ chức cùng lĩnh vực hoạt động hàng đầu ở Việt Nam.

Mức 5 - Xuất sắc: Đạt chỉ tiêu như ở Mức 4 và tương đương với tổ chức cùng lĩnh vực hoạt động hàng đầu thế giới.